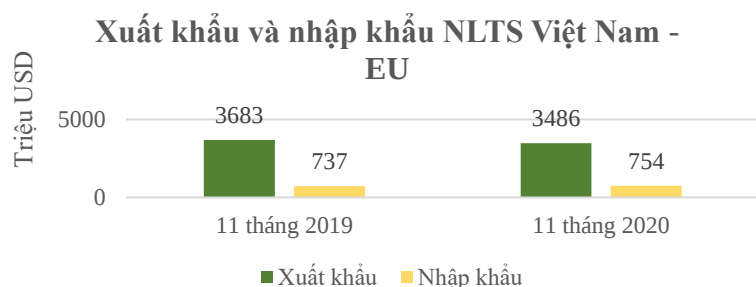


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường Liên minh Châu Âu - EU



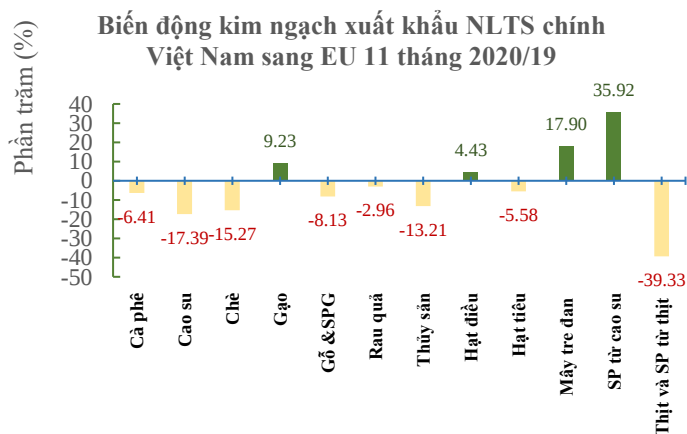
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - EU

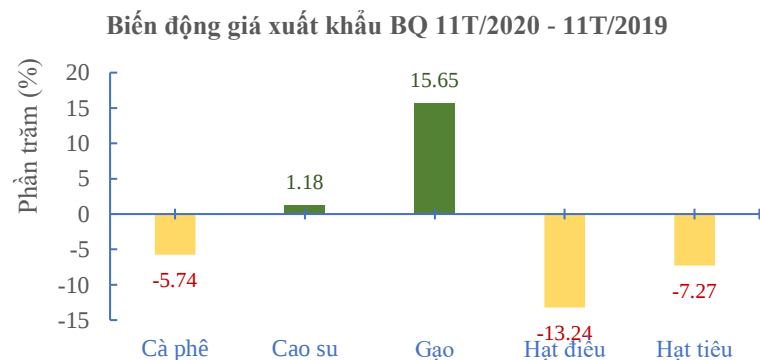
(11T/2020 - 11T/2019)

Xuất khẩu ▼ 5,34%
Nhập khẩu ▲ 2,31%



So sánh 10T/2020 với 10T/2019

Cà phê ▼ 6,41 %
Cao su ▼ 17,39 %
Chè ▼ 15,27 %
Gạo ▲ 9,23 %
Gỗ và SP Gỗ ▼ 8,13 %
Rau quả ▼ 2,96 %
Thủy sản ▼ 13,21 %
Hạt điều ▲ 4,43 %
Hạt tiêu ▼ 5,58 %
Mây tre đan ▲ 17,9 %
SP từ cao su ▲ 35,92 %
Thịt và SP từ thịt ▼ 39,33 %



So sánh giá xuất khẩu 11T/2020 - 11T/2019

Cà phê ▼ 5,74 %
Cao su ▲ 1,18 %
Gạo ▲ 15,65 %
Hạt điều ▼ 13,24 %
Hạt tiêu ▼ 7,27 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo dự đoán của Reuters, nền kinh tế khu vực Eurozone sẽ giảm trở lại trong quý IV/2020, nhưng khi vắc-xin được tiêm và với kỳ vọng được hỗ trợ thêm từ Ngân hàng Trung ương châu Âu, dự báo tăng trưởng hàng quý cho năm tới đã được nâng lên. Chỉ số PMI tổng hợp khu vực đồng Euro đã tăng từ mức 45,3 trong tháng 11 lên 49,8 trong tháng 12 năm 2020, đánh bại kỳ vọng 45,8 của thị trường. Theo Báo cáo triển vọng kinh tế của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), GDP năm 2020 của khu vực đồng Euro giảm 7,5% và triển vọng ngắn hạn vẫn còn yếu. GDP Quý IV dự báo giảm gần 3%, phản ánh việc tái áp dụng các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt ở hầu hết các quốc gia trong khu vực. Nếu bùng phát dịch được kiểm soát hiệu quả trong ngắn hạn và niềm tin người tiêu dùng duy trì tốt, tăng trưởng GDP được dự báo ở mức 3,5% và 3,2% cho giai đoạn 2021-2022 và chỉ đạt được mức trước đại dịch vào cuối năm 2022. Các đợt bùng phát vi-rút dai dẳng và các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh lây lan sẽ tiếp tục cản trở hoạt động kinh tế cho đến khi vắc-xin được phát triển rộng rãi. Tiêu dùng và đầu tư tư nhân sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất do bất ổn và lòng tin thấp. Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến sẽ tăng đến giữa năm 2021, đạt mức hai con số, sau đó sẽ giảm dần. Ngày 10/12, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đánh giá, triển vọng tăng trưởng kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) năm 2021 sẽ phục hồi chậm hơn so với dự báo ban đầu do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Đánh giá được ECB đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh cuối cùng trong năm 2020 của Liên minh châu Âu (EU) diễn ra tại Brussels (Bỉ). Tại Hội nghị, Chủ tịch ECB Christine Lagarde đánh giá, suy thoái kinh tế do đại dịch Covid-19 gây ra sẽ ít nghiêm trọng hơn so với dự đoán trong năm 2020, song tốc độ phục hồi trong năm 2021 sẽ chậm hơn dự báo ban đầu. Theo dự báo, khu vực Eurozone sẽ tăng trưởng 3,9 % trong năm 2021, thấp hơn so với dự báo được đưa ra hồi tháng 9 là 5%.

Gần 5 năm kể từ khi cuộc khủng hoảng Brexit bắt đầu, Anh và Liên minh châu Âu (EU) đã đạt được thỏa thuận thương mại để xác định mối quan hệ song phương sau ngày 31/12/2020. Mặc dù giao dịch hàng hóa, chiếm một nửa trong số 900 tỷ USD kim ngạch thương mại hàng năm của EU-Anh, sẽ được hưởng thuế quan 0% nhưng điều này không có nghĩa là giao dịch hàng hóa sẽ không phải đối mặt với bất cứ rào cản nào. Theo thỏa thuận các ngư dân EU được bảo đảm quyền tiếp cận các vùng biển của Anh trong khoảng thời gian quá độ kéo dài hơn 5 năm kể từ ngày 1/1/2021, nhưng với hạn ngạch bị cắt giảm 25% so với hiện nay. Khi thời gian quá độ trên kết thúc, quyền tiếp cận các vùng biển Anh sẽ phụ thuộc vào những cuộc đàm phán hàng năm giữa hai bên. Trong khi đó, kể từ ngày 01/01/2021, các sản phẩm xúc

xích thô, thịt băm của Anh sẽ không thể xuất khẩu sang EU được nữa. Hiệp hội các nhà chế biến thịt của Anh cho biết đây là một trong những vấn đề gây lo ngại đối với nước này. Một mối lo ngại lớn hơn là các điều khoản của thỏa thuận gần như chỉ tập trung vào vấn đề mua bán hàng hóa, chưa đề cập đến lĩnh vực dịch vụ vốn chiếm 80% nền kinh tế Anh.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã công bố Quy định thực hiện của Ủy ban 2020/2087 liên quan đến việc không gia hạn hoạt chất mancozeb. Quy định có hiệu lực sau 20 ngày, có nghĩa là mancozeb sẽ không còn được chấp thuận như một chất hoạt động ở cấp độ EU kể từ ngày 4 tháng 1 năm 2021. Các quốc gia thành viên có thể rút lại tất cả các giấy phép cho các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa mancozeb cho đến ngày 4 tháng 7 năm 2021. Thời gian gia hạn để nông dân sử dụng hết dự trữ các sản phẩm có mancozeb sẽ kết thúc vào ngày 4 tháng 1 năm 2022. Riêng Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã thông báo về việc bắt đầu quá trình xem xét các Mức dư lượng Tối đa (MRLs) cho mancozeb vào ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Theo trang tin EURACTIV.com, các cuộc đàm phán giữa Nghị viện châu Âu và các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) về quỹ phục hồi COVID-19 của khối đã kết thúc vào sáng sớm ngày 18/12, mang lại 265 tỷ euro (324,8 tỷ USD) trong tổng số 672,5 euro dành cho quá trình chuyển đổi xanh ở các nước EU. Theo thỏa thuận chính trị, 37% chi phí được dành riêng cho quá trình chuyển đổi xanh. Tất cả các khoản đầu tư thuộc quỹ phục hồi sẽ phải tôn trọng các ngưỡng phát thải được quy định trong phân loại tài chính xanh của EU và 100% chi tiêu sẽ tuân theo nguyên tắc "không gây tổn hại đáng kể", được xác định trong quy định phân loại, trên thực tế sẽ loại trừ phần lớn nhiên liệu hóa thạch. Nhìn chung, quỹ phục hồi sẽ cung cấp 672,5 tỷ euro, điều chưa từng có trong các khoản vay và viện trợ không hoàn lại để hỗ trợ cải cách và đầu tư vào các nước EU. Khi văn bản này có hiệu lực, các nước thành viên EU có thể đệ trình các kế hoạch và khả năng phục hồi bằng các cải cách và đầu tư đã lên kế hoạch của họ. Cùng với ngân sách hàng năm 1.100 tỷ euro sắp tới của EU, liên minh này sẽ có khả năng chi tiêu 1.800 tỷ euro trong bảy năm tới (2021-2027), đây là điều chưa từng có.

Ba Lan là thị trường lớn nhất của Trung và Đông Âu về các sản phẩm thực phẩm và đồ uống. Với dân số hơn 38 triệu người, Ba Lan là một thị trường đang phát triển và khả thi cho thực phẩm và nông sản. Sau đợt bùng phát COVID-19 vào đầu

năm 2020 và các biện pháp kiểm soát tiếp theo, việc phân phối thực phẩm và đồ uống và nhu cầu của người tiêu dùng đã thay đổi một cách linh hoạt. Trong khi lĩnh vực nhà hàng và khách sạn của Ba Lan gặp nhiều khó khăn trong suốt đại dịch, lĩnh vực bán lẻ thực phẩm, đặc biệt là các nền tảng bán hàng và giao hàng trực tuyến, đã tăng mạnh. Theo các chuyên gia lĩnh vực thực phẩm, hầu hết các doanh nghiệp sẽ bắt đầu phục hồi sau đại dịch vào năm 2022. Tổng kim ngạch nhập khẩu thực phẩm và nông sản năm 2019 của Ba Lan trị giá hơn 26 tỷ đô la. Ba Lan là nước phản đối việc sử dụng công nghệ gen (GE) trong nông nghiệp. Mặc dù về mặt kỹ thuật, khung pháp lý hiện hành cho phép hạt giống của GE được đưa vào thương mại, nhưng luật quy định không thể trồng chúng. Đạo luật Thức ăn chăn nuôi năm 2006 của Ba Lan bao gồm các điều khoản cấm thức ăn chăn nuôi có chứa thành phần GE. Vào tháng 12 năm 2020, Chính phủ Ba Lan (GOP) đã ban hành hoãn hai năm các điều khoản cấm các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của GE, bao gồm cả bột đậu nành của Mỹ, cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2023. Các điều khoản này chưa bao giờ được thực thi và đã bị hoãn lại vài lần trước đó kể từ năm 2006.

Tương tự, Hungary là một trong những nước phản đối của công nghệ sinh học nông nghiệp trong Liên minh châu Âu, duy trì tình trạng không có GE của đất nước là ưu tiên của Chính phủ trong khi đó Tây Ban Nha vẫn là nước trồng ngô biến đổi gen (GE) lớn nhất trong Liên minh Châu Âu và là nước tiêu thụ chính ngô GE và các sản phẩm đậu tương làm thức ăn gia súc. Quốc gia này có truyền thống bảo vệ cách tiếp cận dựa trên khoa học đối với công nghệ sinh học nông nghiệp. Các bên liên quan trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn lo lắng về những hậu quả tiềm ẩn mà Tòa án Công lý Liên minh Châu Âu (EUCJ) phán quyết về các kỹ thuật chăn nuôi mới (NBT) sẽ ảnh hưởng đến nghiên cứu và khả năng cạnh tranh nông nghiệp của Tây Ban Nha.

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021, Vương quốc Anh sẽ chịu trách nhiệm đánh giá rủi ro và phê duyệt các ứng dụng mới cho các sản phẩm của công nghệ gen. Vương quốc Anh đã giữ lại tất cả các quy định của EU liên quan đến việc trồng trọt "Sinh vật biến đổi gen (GMO)" và nhập khẩu các sản phẩm thức ăn và thực phẩm "GMO". Tuy nhiên, những tuyên bố gần đây của các chính trị gia cấp Nội các cho thấy sự sẵn sàng để điều chỉnh các sản phẩm có nguồn gốc từ biến đổi gen.

Vào ngày 3 tháng 12 năm 2020, EU đã công bố Thỏa thuận giữa EU và Trung Quốc về chỉ dẫn địa lý (GIs) trên Tạp chí chính thức của mình. Hiệp định này sẽ mở rộng sự bảo hộ ở Trung Quốc cho 275 sản phẩm được sản xuất tại EU. Các sản phẩm

bao gồm pho mát feta, pho mát asiago, ô liu kalamata, rượu vang marsalz... Dự kiến Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày 1/2/2021.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã công bố một lộ trình phác thảo ý định xem xét các quy tắc của EU đối với vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm ('FCM') bao gồm bao bì thực phẩm, các vật dụng gia đình hàng ngày như đồ dùng nhà bếp và bàn ăn cũng như máy móc và bề mặt được sử dụng trong sản xuất, chuẩn bị, bảo quản, vận chuyển và phân phối thực phẩm. Sáng kiến này nhằm hiện đại hóa các quy tắc. Thời gian bình luận hiện đang mở cho các bên liên quan đến ngày 29 tháng 1 năm 2021.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2020, Ủy ban Châu Âu đã tiến hành một cuộc tham vấn cộng đồng về các sửa đổi có thể có đối với luật phụ gia thức ăn chăn nuôi của EU. Ủy ban sẽ tiến hành đánh giá tác động để đánh giá xem có cần điều chỉnh gì không nhằm điều chỉnh tốt hơn quy định về phụ gia thức ăn chăn nuôi với Chiến lược Thỏa thuận Xanh và từ trang trại đến bàn ăn (Farm to Fork) của EU. Các bên liên quan có ý kiến cho đến ngày 25 tháng 1 năm 2021.

Theo báo cáo triển vọng ngành nông nghiệp 2020 của EU mới đây, thịt gia cầm dự kiến là loại thịt duy nhất tăng trưởng trong giai đoạn 2020-2030, ở mức 620 nghìn tấn (hoặc tương đương 4,6%). Nhu cầu về thịt gia cầm của EU đã tăng liên tục trong nhiều năm do người tiêu dùng cho rằng thịt gia cầm tốt cho sức khỏe hơn. Bên cạnh đó, các biện pháp chống dịch COVID-19 cũng góp phần củng cố tầm quan trọng của thịt gia cầm trong kiểm soát chi tiêu và sự tiện lợi cho các gia đình khi nấu ăn tại nhà. Mức tiêu thụ thịt gia cầm bình quân đầu người của EU, dự kiến sẽ đạt 24,6 kg trên đầu người vào năm 2030 (tăng 1,2 kg so với năm 2020). Nhiều khả năng người tiêu dùng EU có thể không quay trở lại sử dụng thịt lợn ngay cả khi thịt lợn trở nên sẵn có hơn do lượng xuất khẩu sang châu Á ít hơn.

Năm 2020/21, sản lượng cam quýt của EU dự kiến sẽ tăng 7,5% so với năm trước lên 11,4 triệu tấn Điều kiện thời tiết thuận lợi ở các nước sản xuất cam quýt hàng đầu của EU và sự phục hồi so với mùa trước là nguyên nhân dẫn đến sản lượng cam quýt của EU dự kiến sẽ tăng. Sự phục hồi trong sản xuất của EU và nhu cầu toàn cầu cao hơn đối với cam quýt có nguồn gốc từ đại dịch COVID-19 có thể khuyến khích xuất khẩu của EU sang các thị trường chiến lược và không khuyến khích nhập khẩu của EU. Các thị trường xuất khẩu chiến lược cam quýt EU tiếp tục là Canada, Trung Đông và Trung Quốc, tiếp theo là Thụy Sĩ, Na Uy và Serbia. Các mức thuế bỏ

sung liên quan đến các vụ kiện của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đối với trợ cấp máy bay được cho là sẽ tiếp tục tác động đến thương mại cam quýt theo cả hai cách. Ngoài ra, các điều khoản của mối quan hệ EU-Anh mới cũng có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu cam quýt của EU sang Anh.

Về tình hình xuất khẩu NLTTS của Việt Nam sang EU: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU là thủy sản, hạt điều, cà phê, gỗ và các sản phẩm gỗ. EVFTA chính thức thực thi vào đầu tháng 8/2020 đã tạo ra nhiều cơ hội xuất khẩu cho các sản phẩm nông sản của Việt Nam, tuy nhiên những tác động về mặt xuất khẩu vẫn chưa được vững chắc. So với tháng trước, kim ngạch xuất khẩu NLTTS sau khi tăng 14,39% vào tháng 10/2020, đã giảm 19% vào tháng 11/2020, đồng cộng 273 triệu USD, giảm 15% so với cùng kỳ. So với tháng 10/2020, tất cả các mặt hàng NLTTS đều có kim ngạch xuất khẩu giảm, đặc biệt là gạo giảm 53%, thịt giảm 50%, thủy sản giảm 27%, cà phê giảm 23%, hạt tiêu, mây tre đan, cao su giảm khoảng 18- 19%. So với cùng kỳ, ngoại trừ một số mặt hàng như sản phẩm từ cao su tăng 69, mây tre đan, chè, chè hạt tiêu tăng ở mức 10-13%, các mặt hàng xuất khẩu khác đều giảm đặc biệt là thịt và các sản phẩm thịt giảm nhiều nhất ở mức 71%, tiếp đến là cà phê 38%, gỗ và các sản phẩm gỗ giảm 23% Nguyên nhân một phần có thể do làn sóng Covid-19 thứ hai xảy ra tại châu Âu với diễn biến ngày càng phức tạp. (chi tiết tại báo cáo và phụ lục đính kèm).

Về phía Việt Nam, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) đã được ký kết và chính thức có hiệu lực từ 23h ngày 31/12/2020, đánh dấu bước khởi đầu mới trong quan hệ đối tác chiến lược được hai nước thiết lập 10 năm nay. UKVFTA Không những đóng vai trò đảm bảo thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh không bị gián đoạn tại thời điểm kết thúc giai đoạn chuyển tiếp Brexit (Anh rời Liên minh châu Âu – EU), mà còn được kỳ vọng sẽ trở thành động lực thúc đẩy quan hệ hai nước một cách toàn diện và sâu rộng hơn, là cơ sở vững chắc để duy trì và củng cố quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam-Vương quốc Anh trong tương lai. Thỏa thuận này cũng là cơ sở để hai bên thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác khu vực và đa phương khác. Từ ngày 1/1/2021, UKVFTA sẽ tác động tích cực ngay cho các doanh nghiệp của Việt Nam và Anh với việc cắt giảm thuế quan đáng kể cho hơn 70% hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Anh và ở chiều ngược lại là 65%, trong đó nhiều hàng hóa sẽ được hưởng thuế suất 0%. Và sau 6 năm, trên 99% hàng hóa hai

nước sẽ có mức thuế 0%. Với tính chất tương hỗ cao của hai nền kinh tế, UKVFTA sẽ giúp kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng mạnh mẽ thời gian tới theo tinh thần “cùng thắng”.

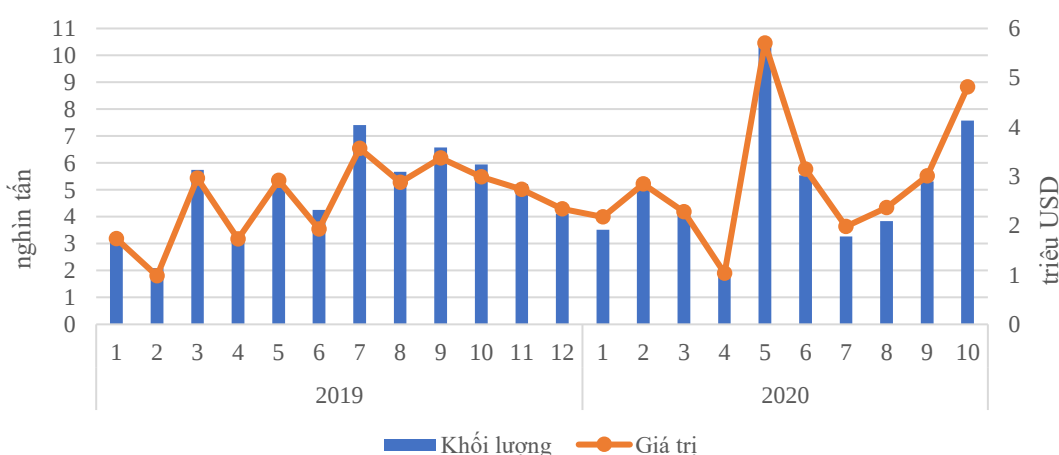
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 12/2020 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,4 triệu tấn, tăng 241 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 11/2020, Việt Nam xuất khẩu được 3,4 nghìn tấn gạo, trị giá 2,3 triệu USD sang thị trường EU, giảm 55,5% về khối lượng và 52,9% về giá trị so với tháng 10/2020, và 35,4% về khối lượng và 17,0% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 11 tháng đầu năm đạt 54,3 nghìn tấn gạo và 31,6 triệu USD, giảm 0,5% về khối lượng nhưng tăng 13,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

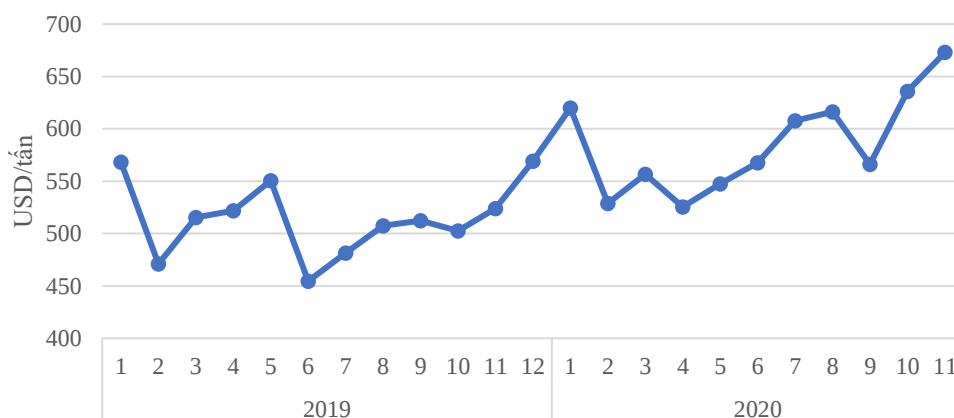
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

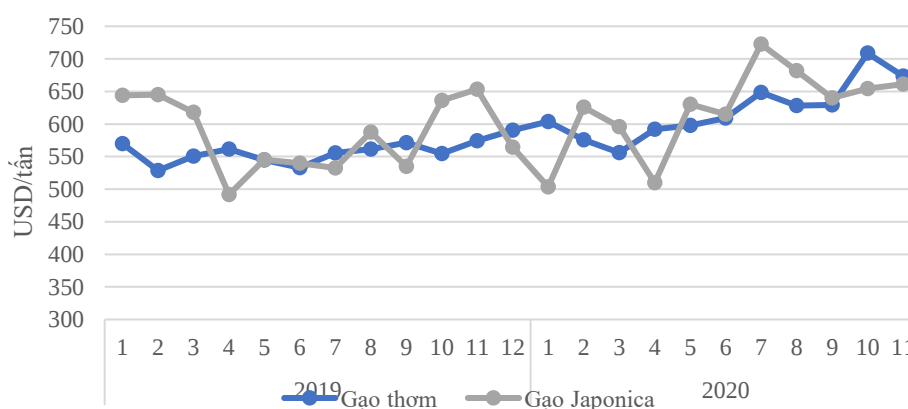
Trong tháng 11/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 2,8 nghìn tấn, trị giá 1,9 triệu USD (chiếm 83,9% về khối lượng và 83,7% về giá trị); so với tháng 11/2019, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã tăng 9,5% về khối lượng và 26,9% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo Japonica đạt 332 tấn, trị giá 209,8 nghìn USD (chiếm 9,8% về khối lượng và 9,2% về giá trị); so với tháng 11/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang EU đã giảm 4,0% về khối lượng nhưng tăng 7,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 11/2020 đạt 673,0 USD/tấn, tăng 5,8% so với tháng 10/2020 và 28,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường EU có xu hướng tăng giảm trái chiều trong tháng. Giá gạo thơm tháng 11/2020 đạt trung bình 673,5 USD/tấn, giảm 5,0% so với tháng 10/2020 nhưng tăng 17,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo Japonica đạt 661,0 USD/tấn, tăng 1,0% so với tháng 10/2020 và 1,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo Japonica sang EU

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty TNHH Lương thực - Thực phẩm Long An và Công ty CP Hoàng Minh Nhật. Ba công ty này lần lượt chiếm 28,6%, 18,7% và 10,9% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 11/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh giảm 35,3%, Công ty TNHH Lương thực - Thực phẩm Long An không xuất khẩu trong tháng 11/2019, nhưng có xuất khẩu trong tháng 11/2020, và Công ty CP Hoàng Minh Nhật tăng 247,3%.

2. RAU QUẢ

Năm 2021 đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc chỉ định là năm Quốc tế về rau quả (IYFV). Freshfel Châu Âu đang khuyến khích cộng đồng rau quả EU ủng hộ tích cực hơn cho năm quốc tế quan trọng này. IYFV 2021 là cơ hội duy nhất thúc đẩy tiêu dùng và không ngừng nâng cao nhận thức của ngành về cải thiện sức khỏe công dân và tăng tính bền vững toàn cầu.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, trung bình mỗi năm người dân Bắc Âu tiêu thụ khoảng 130 kg rau quả tươi nếu chưa tính khoai tây, nếu tính cả khoai tây thì mức tiêu thụ tăng lên đáng kể đạt 150 kg, song vẫn thấp hơn mức tiêu thụ bình quân của toàn châu Âu. Nhưng nếu tính chung cả rau quả đông lạnh thì mức tiêu thụ rau quả của người dân Bắc Âu tương đương với các nước châu Âu khác (khoảng 180 kg/người/năm).

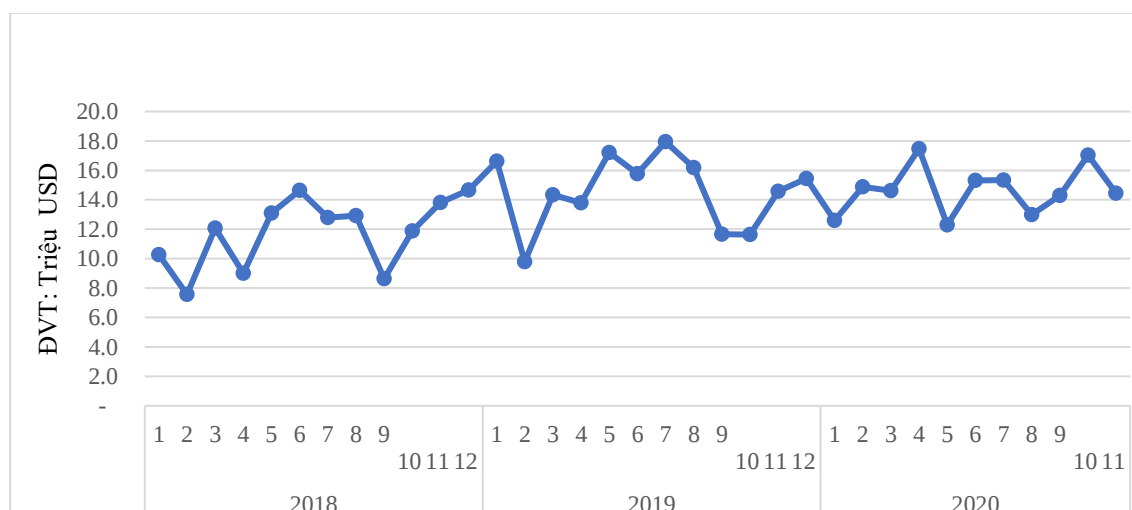
Hiện nay, xu hướng tiêu dùng rau quả tươi ở thị trường Bắc Âu chuyển từ số lượng sang chất lượng, người tiêu dùng quan tâm đến sản phẩm có giá trị gia tăng về mùi vị, hình dáng, dinh dưỡng, đa dạng và tiện lợi. Người tiêu dùng càng ngày càng quan tâm đến vấn đề an toàn thực phẩm và môi trường, từ việc sản phẩm được trồng ra sao, vận chuyển và xử lý như thế nào, tóm gọn là từ trang trại đến bàn ăn. Tất cả yếu tố trên tác động đến các kênh phân phối từ bán lẻ đến bán buôn để ngày càng đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, tính cạnh tranh trên thị trường.

An toàn thực phẩm và chứng nhận đã trở thành khía cạnh hàng đầu trong thương mại sản phẩm tươi. GLOBAL G.A.P đã trở thành tiêu chuẩn chứng nhận trong khi mức dư lượng tối đa bắt buộc (MRL) thường khắt khe hơn giới hạn pháp lý. Người mua ngày nay quan tâm đến vấn đề chứng nhận thư với chính sản phẩm. Các yêu cầu nghiêm ngặt là một thách thức với các nhà sản xuất nhưng nếu áp dụng tốt có thể cải thiện đáng kể vị trí cạnh tranh.

Các loại hoa quả nhiệt đới như chuối, dưa, dứa được tiêu thụ quanh năm ở Bắc Âu và được nhập khẩu ngày càng nhiều. Rau nhiệt đới cũng có xu hướng tương tự, nhất là các loại rau gia vị như ớt ngọt hay các loại quả có mùi vị được yêu thích như chanh. Khu vực Bắc Âu có đông dân cư nhập từ khắp nơi trên thế giới, do vậy các loại rau quả đặc sản của các nước cũng được nhập khẩu. Tuy nhiên, số lượng không nhiều do nhiều sản phẩm không được tiêu thụ rộng rãi trong cộng đồng dân cư bản xứ, ví dụ sắn, khoai lang...

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 11 năm 2020 đạt 14,5 triệu USD, chiếm 5,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 15,1% so với tháng trước và giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 14,6 triệu USD). Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu đạt 161,3 triệu USD, chiếm 5,4% thị phần và tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019 (159,5 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

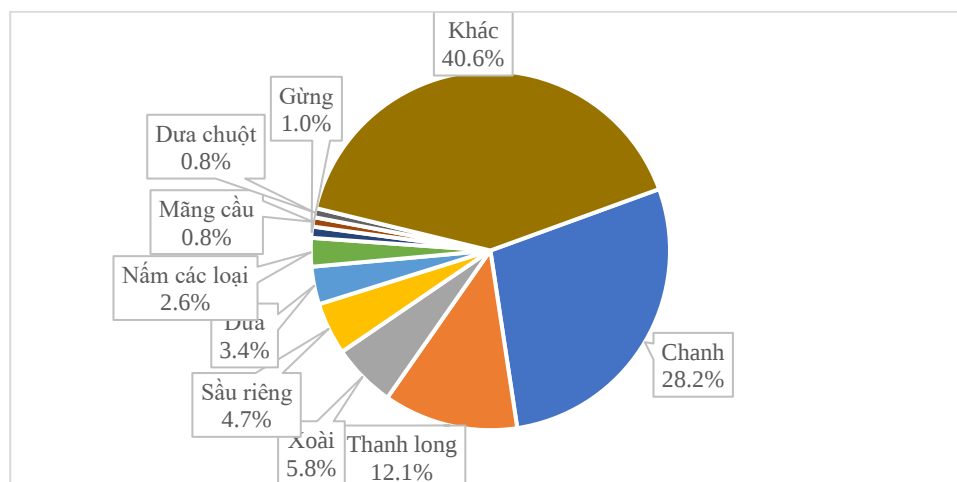


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 11 năm 2020 chủ yếu là trái cây (đạt 12,5 triệu USD, chiếm 86,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 63% (so cùng kỳ 2019 là 69%), trái cây chế biến chiếm 23,2% (cùng kỳ 2019 là 35%). Mặt hàng rau đạt 2 triệu USD (chiếm 13,8%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 11,2% (năm 2019 là 15,6%), rau chế biến chiếm 2,6% (năm 2019 là 5,2%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 11/2020 bao gồm chanh đạt 4,1 triệu USD (chiếm 28,2% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 18,9% so với cùng kỳ năm 2019); thanh long đạt 1,8 triệu USD (chiếm 12,1%, tăng 15,8%); xoài đạt 831,2 nghìn USD (chiếm 5,8%, giảm 19,2%); sầu riêng đạt 679 nghìn USD (chiếm 4,7%, cao gấp 41 lần so với cùng kỳ năm 2019); dưa đạt 490,1 nghìn USD (chiếm 3,4%, tăng 243,6%); nấm các loại đạt 371,3 nghìn USD (chiếm 2,6%, giảm 9,1%); ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 11/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020, rau quả chế biến đạt 3,7 triệu USD (chiếm 25,8% tổng giá trị xuất khẩu), giảm 20,4% so với cùng kỳ 2019 (đạt 4,7 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 57,1%, giảm 28,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 27,5% (tăng 5%); (iii) Rau quả muối chua (mã HS.2001) chiếm 5,3% (tăng 23,8%); (iv) Trái cây ngâm, cô đặc, mứt dẻo (mã HS.2007) chiếm 5,3% (tăng 51,9%); ...

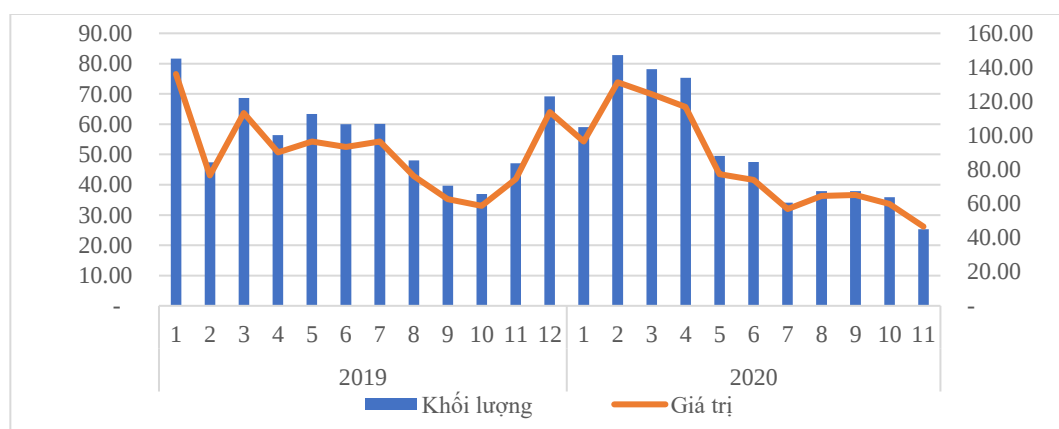
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 11 năm 2020 đạt 2,8 triệu USD, chiếm 2,4% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 55% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 6,1 triệu USD). Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 27,4 triệu USD, giảm 25,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 36,9 triệu USD). Trong tháng 11/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 1,2 triệu USD (chiếm 44%, giảm 46,7%); táo đạt 760,6 nghìn USD (chiếm 27,5%, giảm 71,2%); tỏi đạt 188,9 nghìn USD (chiếm 6,8%, giảm 7,7%); ...

Trong tháng 11/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao với thị phần xuất khẩu lần lượt là: 14,9%; 8,3% và 6,3%. So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 78,8%, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ giảm 20,1% và Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao tăng 40,7%.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường EU chứng lại và có xu hướng giảm, trong đó kim ngạch xuất khẩu cà phê đã sụt giảm nghiêm trọng. Một trong những nguyên nhân khiến giá trị thu về không cao là do sản phẩm cà phê chủ yếu xuất khẩu sản phẩm thô nên bị tác động mạnh từ giá cả thị trường thế giới. Theo đó, trong tháng 11/2020, Việt Nam xuất khẩu 25,2 nghìn tấn cà phê sang Châu Âu, giá trị 46,5 triệu USD, giảm 29,6% về khối lượng và giảm 22,3% về giá trị so với tháng 10/2020; so với cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu cà phê giảm 46,3% về khối lượng và giảm 37,6% về giá trị. Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 563,3 nghìn tấn và đạt 912,6 triệu USD, giảm 7,5% về khối lượng và giảm 6,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU



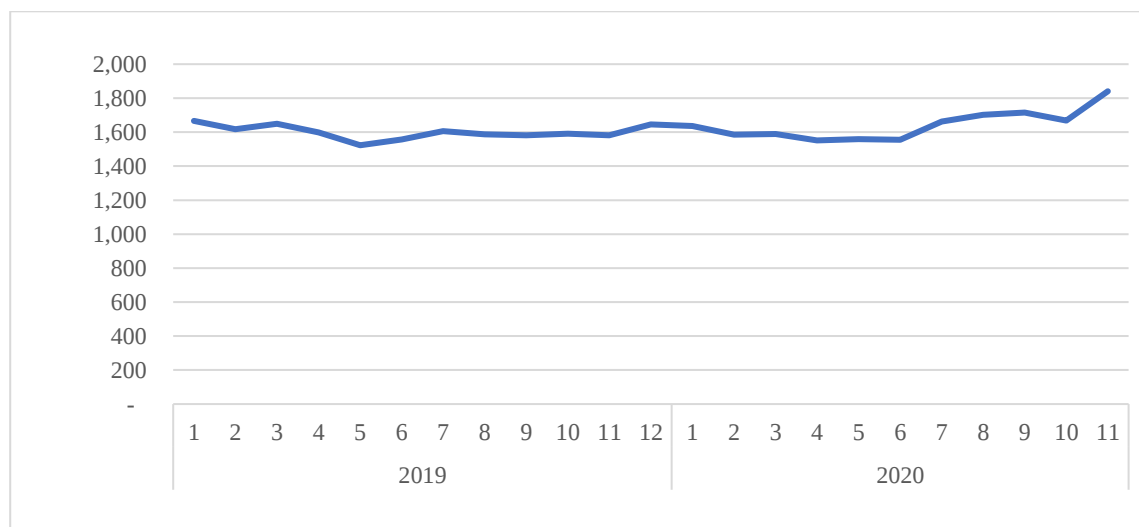
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại EU bao gồm Đức (chiếm tỷ trọng 33%, đạt khối lượng 8,3 nghìn tấn), Ý (chiếm tỷ trọng 30,2%, đạt khối lượng 7,6 nghìn tấn), Tây Ban Nha (chiếm tỷ trọng 14,4%, đạt khối lượng 11,2 nghìn tấn)... Tháng 11/2020, xuất khẩu cà phê sang các thị trường lớn đều giảm mạnh so với tháng 11/2019 như Bỉ (giảm 63%, đạt 2,9 triệu USD), Tây Ban Nha (giảm 52,4%, đạt 7,9 triệu USD), Đức (giảm 32,9%, đạt 15,3 triệu USD), Ý (giảm 30,9%, đạt 12,2 triệu USD). Xuất khẩu giảm là do tình trạng khan hiếm container cũng như một số hãng tàu thông báo ngừng bán chỗ.

Do thiếu vật tư vận chuyển, dù nhịp độ nhập khẩu không lớn nhưng giá cà phê lại hưởng lợi do lo ngại về nguồn cung cho mùa cuối năm, thời điểm tiêu thụ hàng hóa cũng như cà phê lớn nhất trong năm tại Châu Âu. Cụ thể, tháng 11/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU là 1.840 USD/tấn, tăng 10,3% so với tháng 10/2020 và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 11 tháng đầu

năm, giá xuất khẩu cà phê bình quân đã tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2019, đạt mức 1.643 USD/tấn.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



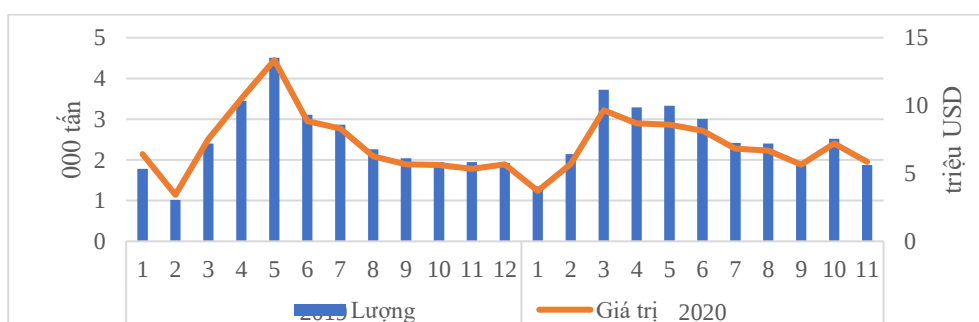
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) chiếm tỷ trọng 77,8%, giá trị 38,2 triệu USD, giảm 48% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 32,3% về giá trị so với tháng 10/2020. Cà phê chưa rang, đã khử caffein (mã HS 090112) tăng trong tháng 11/2020, tăng 39,8% về khối lượng và tăng 45,6% về giá trị so với tháng 10/2020. Ngược lại, cà phê đã rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) tăng mạnh về khối lượng nhập khẩu trong tháng 11/2020, tăng 172,9% về khối lượng và 149,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, xuất khẩu cà phê hòa tan và tinh chất sang thị trường EU tiếp tục đà tăng từ năm 2019. Tháng 11/2020, cà phê hòa tan, tinh chất cà phê (mã HS 2101) đạt 1,2 nghìn tấn, giá trị 7,5 triệu USD, tăng 47% về khối lượng và tăng 69% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019 đồng thời tăng 18,7% về khối lượng và tăng 50,4% về giá trị so với tháng 10/2020. Đây là tín hiệu đáng mừng khi cà phê của Việt Nam tăng cường xuất khẩu các sản phẩm chế biến sâu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

4. HỒ TIÊU

Trong tháng 11, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU giảm cả về giá trị và sản lượng so với tháng trước. Cụ thể, xuất khẩu đạt 1,8 nghìn tấn tương đương 5,8 triệu USD, giảm 26% về lượng và 19% về giá trị so với tháng 10 năm 2020. So với cùng kỳ năm 2019 thì giảm 4% về lượng nhưng tăng 10% về giá trị. Tính chung cả 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu hồ tiêu sang EU đạt 27,9 nghìn tấn với giá trị 76,7 triệu USD tăng 2% về lượng nhưng giảm 6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

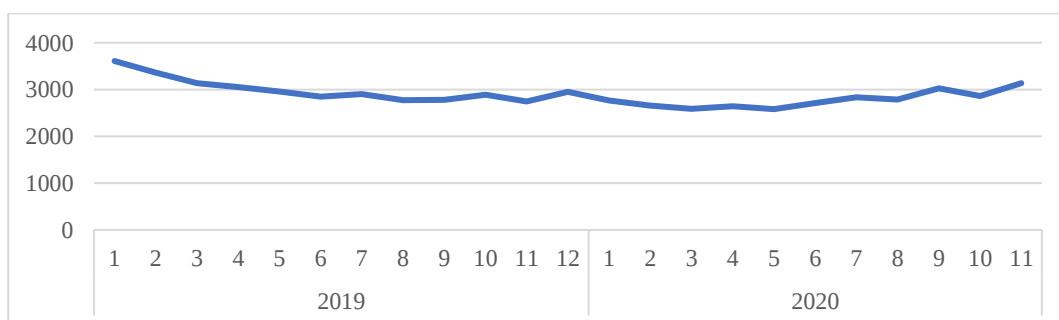
Hình 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường EU trong tháng 11 đã có sự khả quan hơn khi đạt mức 3.135 USD/tấn, tăng 9% so với tháng trước và tăng 14% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, chịu áp lực từ giá thế giới giảm sâu trong những tháng trước đây do yếu tố dư cung kéo dài nên giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân 11 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam chỉ đạt 2.750 USD/tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 9: Giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Phân khúc nhà hàng, khách sạn ở Châu Âu tiêu thụ rất nhiều hồ tiêu của Việt Nam, nhưng hiện tại Châu Âu đang đối mặt với làn sóng Covid thứ 2 và trở thành tâm dịch thế giới nên phân khúc này cũng đang bị tê liệt. Lệnh giới nghiêm được lựa chọn

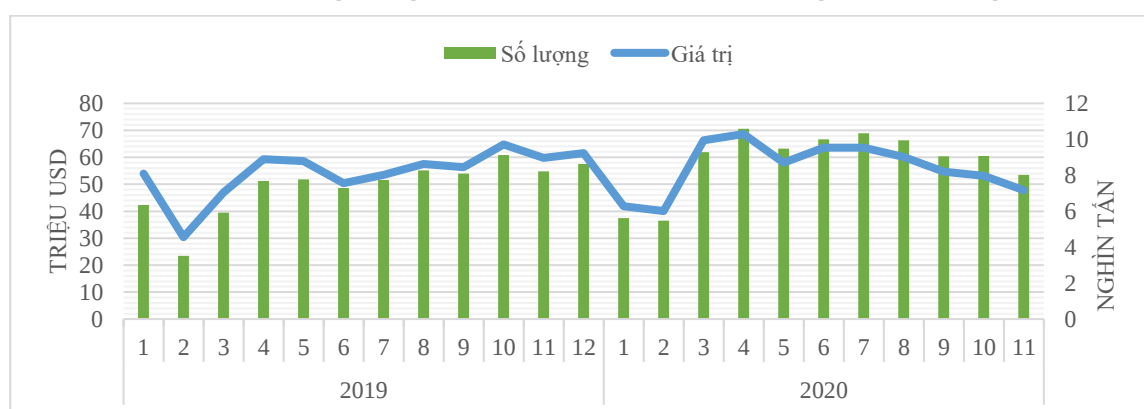
để triển khai tại nhiều nước như : Pháp, Bỉ, Tây Ban Nha... theo từng khu vực và đóng cửa quán bar hay nhà hàng được cho là nơi có nguy cơ lây nhiễm cao.

Pháp là quốc gia có số ca nhiễm cao nhất trong khu vực Châu Âu nên mọi hoạt động kinh tế gần như đình trệ. Xuất khẩu tiêu sang Pháp trong tháng 11/2020 giảm mạnh cả về giá trị và sản lượng. Cụ thể, xuất khẩu đạt 138 tấn tương đương 347,2 nghìn USD, giảm 74% về lượng và 75% về giá trị so với tháng 10; giảm 71% về lượng và 72% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái.

5. HẠT ĐIỀU

Trong 11 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường EU vẫn đạt mức tăng trưởng khả quan, mặc dù giá điều nhân tại thị trường này vẫn đang giảm sâu theo xu hướng chung của giá điều nhân thế giới. Theo số liệu cập nhập của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu hạt điều trong 11 tháng đầu năm 2020 sang thị trường này đạt 96,9 nghìn tấn và 617,6 triệu USD, tăng 21% về khối lượng và tăng 4,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Nhưng riêng trong tháng 11/2020 Việt Nam xuất khẩu điều nhân sang thị trường EU có dấu hiệu giảm, chỉ đạt 8,03 nghìn tấn với giá trị là 47,8 triệu USD, giảm 11% về khối lượng và 10% về giá trị so với tháng 10/2020, giảm 20% về giá trị so cùng kỳ năm 2019. Giao dịch tại thị trường này tương đối trầm lắng do hiện nay EU đang thắt chặt các biện pháp chống Covid – 19 trong mùa lễ hội cuối năm, các nhà nhập khẩu đang tập trung vào việc lưu thông hàng hóa vì việc vận chuyển giao hàng bằng đường biển, đường bộ đang gặp nhiều khó khăn do phong tỏa gây ra. Ngoài ra giá cước vận chuyển container toàn cầu đang tăng lên mức kỷ lục do các kênh logistic bị gián đoạn bởi việc phong tỏa, nhiều khách hàng đã tạm ngưng hợp đồng.

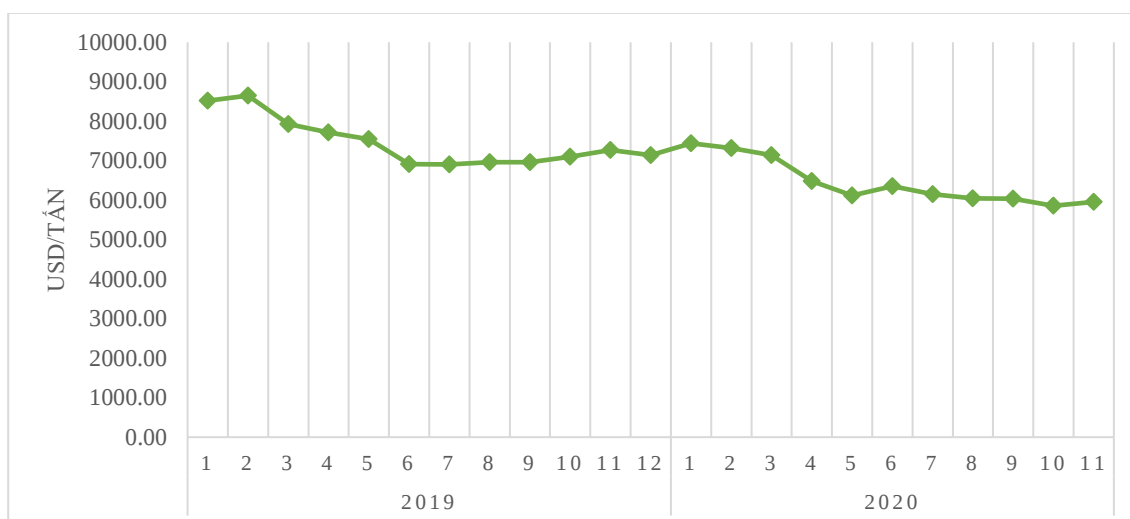
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường EU đã có khởi sắc trong tháng 11/2020 đạt 5.956 USD/tấn, tăng 1,7% so với tháng 10/2020, nhưng giảm 18% so với cùng kỳ năm 2019. Giá giao dịch điều nhân (FOB) đang giao động ở mức 5.621 đến 9.700 USD/tấn đối với mã W320, tùy từng nhà máy, mã W240 ở mức 7.385 đến 7.826 USD/tấn, so với năm 2019 giảm 2,66%.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Việt Nam mặc dù đang là nước đứng đầu thế giới về chế biến và xuất khẩu, nhưng hầu hết các doanh nghiệp chế biến điều xuất khẩu đều là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, chủ yếu sản xuất nguyên liệu sơ chế cho các sản phẩm chế biến sâu. Trong chuỗi giá trị điều toàn cầu, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu điều nhân sơ chế với giá 10 USD/kg, trong khi nhân điều chế biến bán ở siêu thị các nước có giá khoảng 30 USD/kg. Ngoài ra Việt Nam chưa chủ động được nguồn nguyên liệu, chủ yếu nhập từ Châu phi. Trong khi đó, nhiều quốc gia khác như Ấn Độ và các nước châu Phi có nguồn cung điều thô lớn đang “trỗi dậy”, đẩy mạnh chế biến để khẳng định vị thế.

Thủ phủ điều Bình Phước đang từng bước chuyển đổi phương pháp canh tác, hướng tới tiêu chuẩn hữu cơ để gia tăng giá trị cho hạt điều. Nhưng từ năm 2021, EU sẽ áp dụng quy định mới cho các sản phẩm hữu cơ đối với hạt, ngũ cốc nhập khẩu. Điểm quan trọng trong bộ quy tắc mới này EU không chỉ kiểm soát việc sử dụng thuốc trừ sâu trong các sản phẩm, mà còn liên quan đến các vấn đề quản lý đất và sản xuất thực phẩm. EU sẽ không chấp nhận các tiêu chuẩn hữu cơ khác nhau được công nhận là tương đương với các tiêu chuẩn của EU mà thay vào đó, các nhà sản xuất hữu cơ phải áp dụng một bộ quy tắc mới của EU thay thế các quy tắc tương đương. Quy định mới này của EU nhiều nhà sản xuất hữu cơ nhỏ lẻ ở các nước đang phát triển như Việt Nam có thể sẽ không đáp ứng được yêu cầu.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Tại châu Âu, giá lợn hơi đang đi theo xu hướng giảm. Cụ thể, tại Đan Mạch, giá trung bình trong 1 năm qua đối với lợn 30 kg là 412 Krone/lb (66 USD); hiện xuống mức 140 Krone/lb (22,4 USD), điều này chứng tỏ nhu cầu sụt giảm do dịch tả ASF, cùng với giá thức ăn chăn nuôi tăng, lợi nhuận giảm. Tại Đức, dịch ASF vẫn tiếp tục ở xảy ra ở lợn, tuần trước có 55 con dương tính trong một ngày. Tính đến ngày 4/12/2020 đã có 254 con đã được xác định dương tính. Do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu phi làm cho Đức mất thị trường xuất khẩu sang châu Á (gồm có Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản), việc này tác động trực tiếp đến giá thịt lợn tại Đức và châu Âu. Cụ thể, giá tại Tây Ban Nha đã giảm từ 1,3 Euro/kg vào thời điểm dịch tả lợn châu phi tại Đức bùng phát xuống 1,1 Euro/kg vào tuần giữa tháng 12.

Theo báo cáo triển vọng ngành nông nghiệp 2020 của EU mới đây, thịt gia cầm dự kiến là loại thịt duy nhất tăng trưởng trong giai đoạn 2020-2030, ở mức 620 nghìn tấn (hoặc tương đương 4,6%). Nhu cầu về thịt gia cầm của EU đã tăng liên tục trong nhiều năm do người tiêu dùng cho rằng thịt gia cầm tốt cho sức khỏe hơn. Bên cạnh đó, các biện pháp chống dịch COVID-19 cũng góp phần củng cố tầm quan trọng của thịt gia cầm trong kiểm soát chi tiêu và sự tiện lợi cho các gia đình khi nấu ăn tại nhà. Mức tiêu thụ thịt gia cầm bình quân đầu người của EU, dự kiến sẽ đạt 24,6 kg trên đầu người vào năm 2030 (tăng 1,2 kg so với năm 2020). Nhiều khả năng người tiêu dùng EU có thể không quay trở lại sử dụng thịt lợn ngay cả khi thịt lợn trở nên sẵn có hơn do lượng xuất khẩu sang châu Á ít hơn.

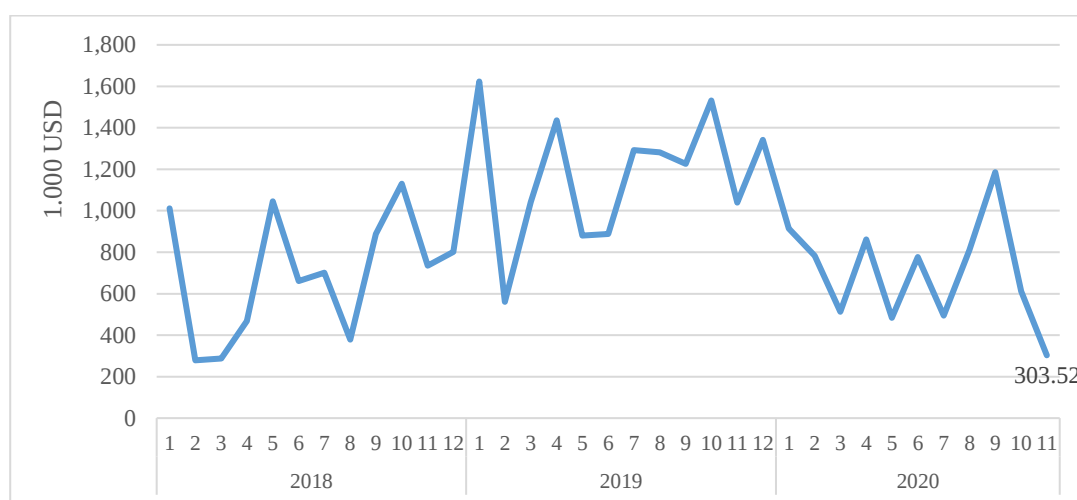
Nhập khẩu gia cầm của EU sẽ bắt đầu phục hồi sau khi các lô hàng từ các đối tác thương mại truyền thống tăng cường phục hồi sau sự sụt giảm do các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Thịt gia cầm ở thị trường EU chủ yếu cung cấp làm thức ăn nhanh và các dịch vụ thực phẩm khác. Dự kiến tổng nhập khẩu sẽ tăng dần lên khoảng tổng khối lượng hạn ngạch thuế quan do EU mở (khoảng 900.000 tấn vào năm 2020). Giá thịt gia cầm của EU cũng dự báo sẽ tăng từ năm 2020 đến năm 2030.

Theo quy định mới của EU, kể từ ngày 01/01/2021, các sản phẩm xúc xích thô, thịt băm của Anh sẽ không thể xuất khẩu sang EU được nữa. Quy định mới này là một phần của thỏa thuận thương mại hậu Brexit đã được hai bên nhất trí vào hồi giữa tháng 12. Hiệp hội các nhà chế biến thịt của Anh cho biết đây là một trong những vấn đề gây lo ngại đối với nước này. Theo quy định mới thì các kể từ ngày 1/1 các sản phẩm từ động vật sau đây không được xuất khẩu vào EU, gồm: thịt đỏ băm ướp lạnh,

chế phẩm thịt ướp lạnh (ví dụ xúc xích sống), thịt băm (gia cầm), thịt gia cầm, sữa tươi từ những con bò bị nhiễm bệnh lao, ... Tuy nhiên, những quy định mới này không ảnh hưởng đến việc xuất khẩu thịt xay thô sang Bắc Ireland.

Giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường EU tháng 11 năm 2020 đạt 303,52 triệu USD, chiếm 3% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 50,3% so với tháng trước và giảm 70,8% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 11 tháng năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường này đạt 7,74 triệu USD, giảm 39,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 12,75 triệu USD).

Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 11/2020 chỉ có 6 đơn vị doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt, động vật sang thị trường EU, trong đó 3 đơn vị xuất khẩu nhiều nhất là công ty Liên doanh Nuôi và Phát triển Khỉ Việt Nam (chiếm 47,98%); Công ty Cổ phần Việt Long Sài Gòn (34,9%), Công Ty TNHH Chế biến Thực phẩm Thương mại Ngọc Hà (13,98%). Các mặt hàng chăn nuôi, động vật được xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng gồm có đùi ếch đông lạnh (chiếm 48,9%); một số động vật sống như khỉ đuôi dài, bò sát (kỳ tôm), tổng trị giá khoảng (chiếm 48,4%); còn lại là sản phẩm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác đông lạnh (chiếm 2,7%).

Trong tháng 11/2020, các sản phẩm thịt từ thị trường EU nhập khẩu vào Việt Nam giảm, giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt đạt 15,35 triệu USD, chiếm 7,9% giá trị nhập khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam trong tháng này, giảm 34,1% so với tháng trước và tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2019. Các sản phẩm nhập nhiều nhất trong tháng là thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò, đạt 6,42 triệu USD (chiếm 43%); thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh, đạt 4,72 triệu USD (chiếm 31,6); thịt lợn đông lạnh, đạt 1,63 triệu USD (chiếm 10,9%); còn lại là mỡ động vật và các sản phẩm từ thịt và động vật sống khác, thịt bò đông lạnh, mỡ,...

7. THỦY SẢN

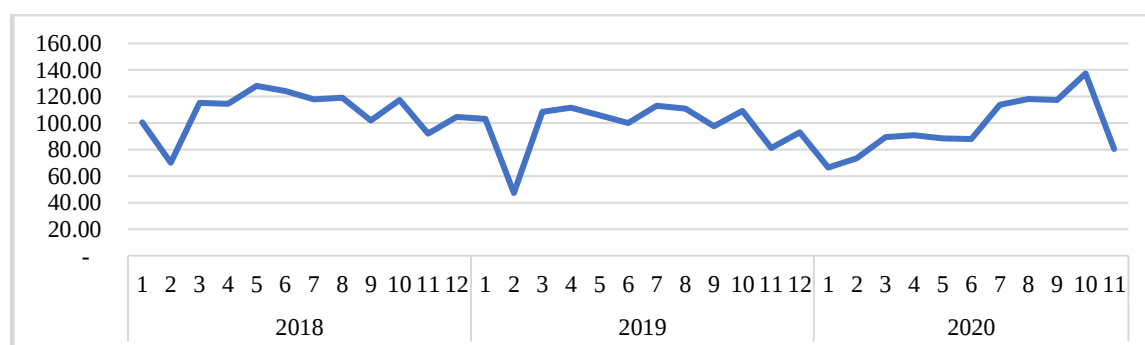
Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, truy xuất nguồn gốc thủy sản là chìa khóa gỡ thẻ vàng IUU. Chính vì vậy, các địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Thủy sản, tập trung khắc phục các tồn tại trong công tác kiểm soát tàu cá ra, vào cảng; tăng cường truy xuất nguồn gốc thủy sản, ngăn chặn, xử lý kịp thời, có hiệu quả tàu cá vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm khai thác IUU để gỡ thẻ vàng IUU.

Hội đồng Bộ trưởng EU sắp thông qua qui định mới đặt hạn ngạch thuế quan tự chủ (ATQs) đối với một số sản phẩm thủy sản trong giai đoạn 2021-2023, Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển cho hay. Qui định này bao gồm các loài như cá ngừ, cá minh thái Alaska, cá tuyết, cá flatfish và tôm. Theo đó, EU có thể nhập khẩu (NK) một khối lượng lớn các loài này từ các quốc gia không thuộc EU với mức thuế NK giảm hoặc bằng 0.

EU sẽ áp thuế 25% hàng hóa Mỹ với giá trị gần 4 tỷ USD từ ngày 10/11/2020. Tuy nhiên, danh sách này chỉ gồm 4 mặt hàng thủy sản - sò điệp và cá hồi Thái Bình Dương và Đại Tây Dương đông lạnh và hun khói – với giá trị tổng cộng 61,4 triệu USD (Dựa trên giá trị các mặt hàng XK sang EU trong năm 2019). Điều này sẽ tạo nhiều điều kiện các doanh nghiệp thủy sản các nước khác trong đó có Việt Nam có thể mở rộng thêm thị phần của mình tại thị trường Châu Âu.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 11/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 80,55 triệu USD, giảm 0,82% so cùng kỳ năm 2019, giảm 26,24% so với tháng 10/2020. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU chiếm 15,02% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 1,06 tỷ USD, giảm 2,26% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá tra là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 52,02%; cá tra chiếm 12,52%.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

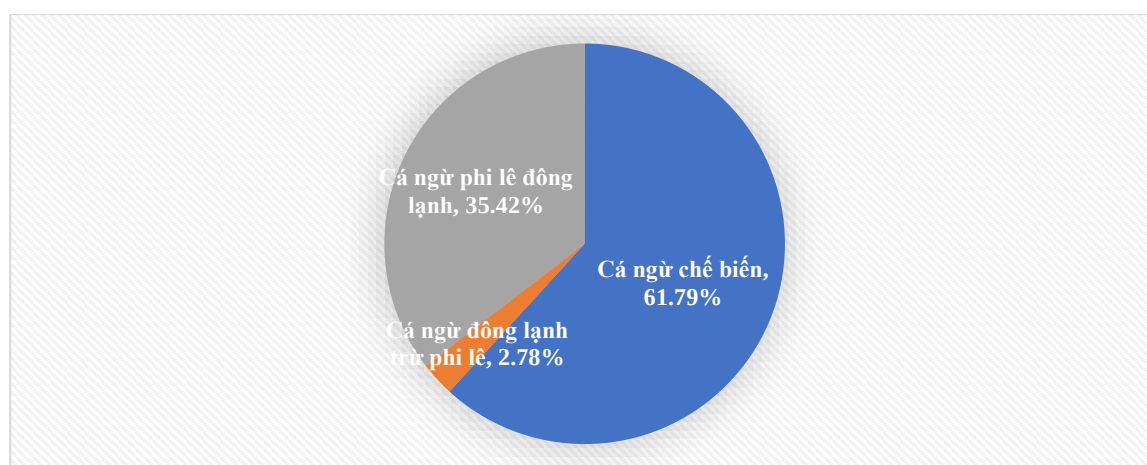
Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 11 năm 2020 đạt 41,90 triệu USD, tăng 2,17% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 11 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 525,69 triệu USD, tăng 18,66% so với cùng kỳ năm 2019.

Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 11/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 33,91 triệu USD, chiếm 80,93% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 7,03 % so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 5,71 triệu USD, chiếm 13,62%, giảm 19,58%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 2,28 triệu USD, chiếm 5,45%, tăng 2,41%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 11/2020 đạt 10,08 triệu USD, chiếm 12,52% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 23,32% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,63 triệu USD, tăng 6,29%; Cá tra phi-lê đạt 9,22 triệu USD, giảm 25,52%; Cá tra chế biến đạt 0,23 triệu USD tăng 2,26%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 9,02 triệu USD, chiếm 11,12% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 3,45% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 3,20 triệu USD, giảm 2,08%; cá ngừ chế biến đạt 5,58 triệu USD, tăng 7,83%; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,25 triệu USD, giảm 71,72%.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 11/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU như sau: Mực và bạch tuộc đạt 2,86 triệu USD, giảm 8,19%; Cua và ghẹ đạt 0,91 triệu USD, tăng 4,82%; Các loại thủy sản khác đạt 15,76 triệu USD, tăng 9,90% so với cùng kỳ 2019.

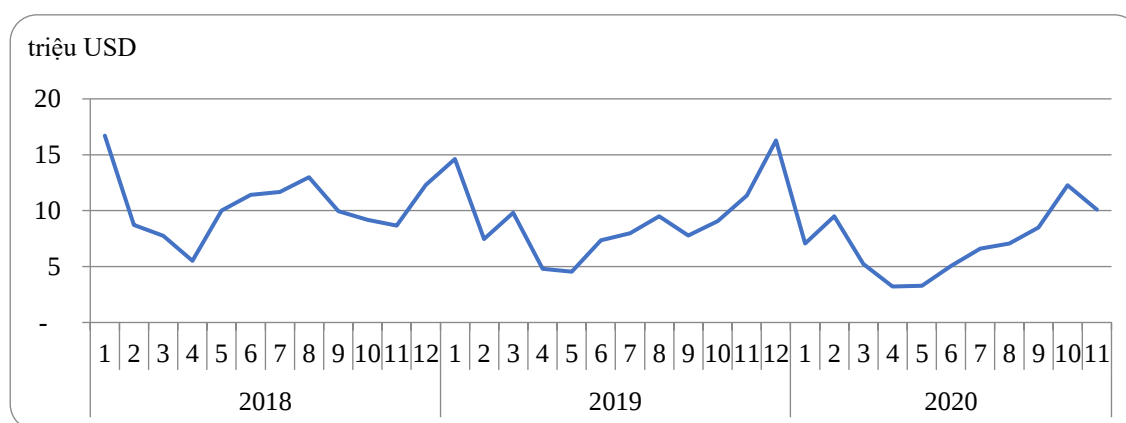
Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 11/2020 đạt trung bình 7,62 USD/kg tăng 0,48% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,49 USD/kg, giảm 13,89% ; Cua-gheo đạt 13,58 USD/kg, giảm 38,21%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 9,01USD/kg, giảm 17,79% so với cùng kỳ 2019.

Tháng 11 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần chế biến và dịch vụ thủy sản Cà Mau đạt 3,08 triệu USD chiếm 4,72% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần Nha Trang seafoods đạt 3,51 triệu USD, chiếm 4,36%; Công ty cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt 3,46 triệu USD, chiếm 4,30%.

8. CAO SU

Cơ quan thống kê EU cho biết, tăng trưởng kinh tế của Khu vực Eurozone trong quý III/2020 đã đạt 12,7% so với quý trước đó. Con số này tuy vẫn giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2019 nhưng là dấu hiệu tích cực trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp tại châu Âu. Tương tự, tăng trưởng kinh tế quý III/2020 của toàn bộ các quốc gia châu Âu cũng tăng 12,1% so với quý trước đó.

Biểu đồ 1: Giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang EU

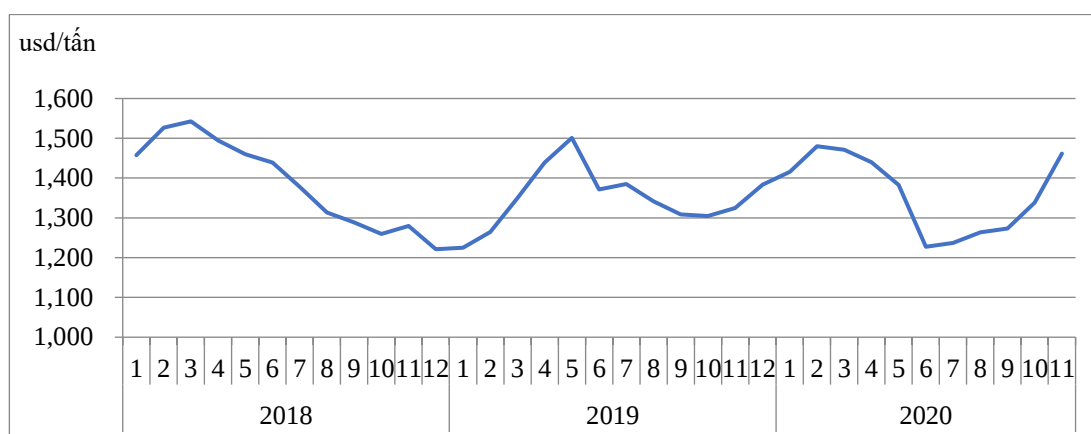


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tuy nhiên, theo dữ liệu kinh tế và các cuộc thăm dò gần đây cho thấy, nền kinh tế khu vực Eurozone có thể trở về trạng thái thu hẹp trong quý cuối năm 2020 do đại dịch Covid-19 tiếp tục tái bùng phát khiến nhiều quốc gia trong khu vực phải áp dụng lệnh phong tỏa trên diện rộng. Tình trạng thu hẹp này ảnh hưởng đến thương mại nói chung, trong đó có việc nhập khẩu cao su của EU. Trong tháng 11/2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU đạt 6,92 nghìn tấn, trị giá 10,11 triệu USD, giảm 24,61% về lượng và giảm 17,70% về giá trị so với tháng 10/2020. Nếu so với

cùng kỳ năm 2019, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam trong tháng 11/2020 sang EU giảm 19,32% về lượng và giảm 11,01% về giá trị. Nếu tính lũy kế 11 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam sang EU chỉ vào khoảng 57,38 nghìn tấn, trị giá 77,90 triệu USD, giảm 19,36% về lượng và 17,39% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Biểu đồ 2: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu bình quân sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các yếu tố như điều kiện khí hậu khắc nghiệt ở các quốc gia sản xuất lớn và sự gia tăng tiêu thụ găng tay cao su do đại dịch Covid-19 đã khiến giá cao su tiếp đà tăng mạnh. Dịch bệnh Covid-19 đã quay trở lại các quốc gia Châu Á như Malaysia, Hồng Kông cũng gây nhiều hoang mang cho thị trường. Bên cạnh đó, sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc khiến năng lực tiêu dùng cải thiện và nhu cầu sản xuất lốp xe tăng cao cũng đã ảnh hưởng đến giá cao su trên thị trường. Thị trường cao su vừa xác lập một kỷ lục mới: Giá tăng vọt lên mức cao nhất trong vòng nhiều năm sau khi kết quả thăm dò của Reuters cho thấy kinh tế Trung Quốc năm 2021 sẽ hồi phục mạnh sau đợt suy thoái do đại dịch Covid-19. Giá cao su ở khắp các thị trường, từ Nhật tới Ấn Độ, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc tới Việt Nam đều leo cao... Giá cao su xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong tháng 11/2020 bình quân khoảng 1.461 USD/tấn, tăng 9,17% so với tháng 10/2020 và tăng 10,30% so với cùng kỳ 2019.

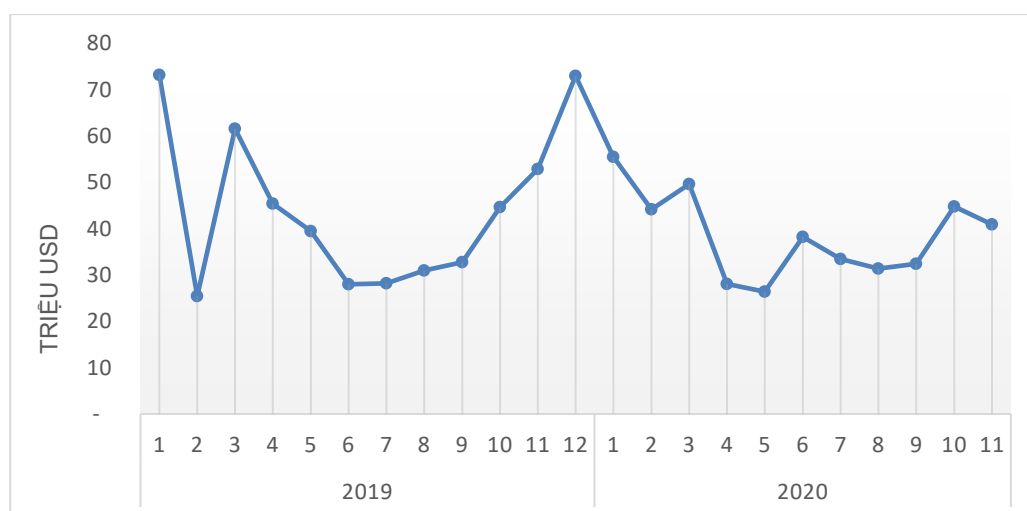
9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Thị trường EU là thị trường xuất khẩu thứ 5 cho gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và chiếm 4,0% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020.

Xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 11/2020 chứng kiến xu hướng giảm so với tháng trước đó và xu hướng này ngược lại so với năm trước (các năm trước cuối năm thường là mùa mua sắm, nhu cầu hàng hóa cao, giá trị xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng). Kim ngạch xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam trong tháng 11 ước đạt 40,9 triệu USD, giảm 8,7% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng năm 2020, xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường EU ước đạt gần 425 triệu USD, giảm khoảng 8,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Một số mặt hàng chứng kiến sự tăng về giá trị xuất khẩu trong 11 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước đó: Phụ kiện gỗ trong xây dựng (tăng 2,58 triệu USD, tương đương 67,5%); Dăm gỗ (916 nghìn USD, tương đương hơn 16 lần); Còn lại đa số các mặt hàng đều có xu hướng giảm về giá trị xuất khẩu trong 11 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước như: Đồ gỗ nội ngoại thất (giảm 24,1 triệu USD, tương đương giảm 5,5%); Gỗ xây dựng, ván gỗ (giảm 2,8 triệu USD, tương đương 9,8%); Sản phẩm gỗ khác (giảm 1,1 triệu USD, tương đương giảm 4,8%); Thùng gỗ, thùng baren (giảm hơn 900 nghìn USD, tương đương giảm 44,4%).

Hình 15: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường EU

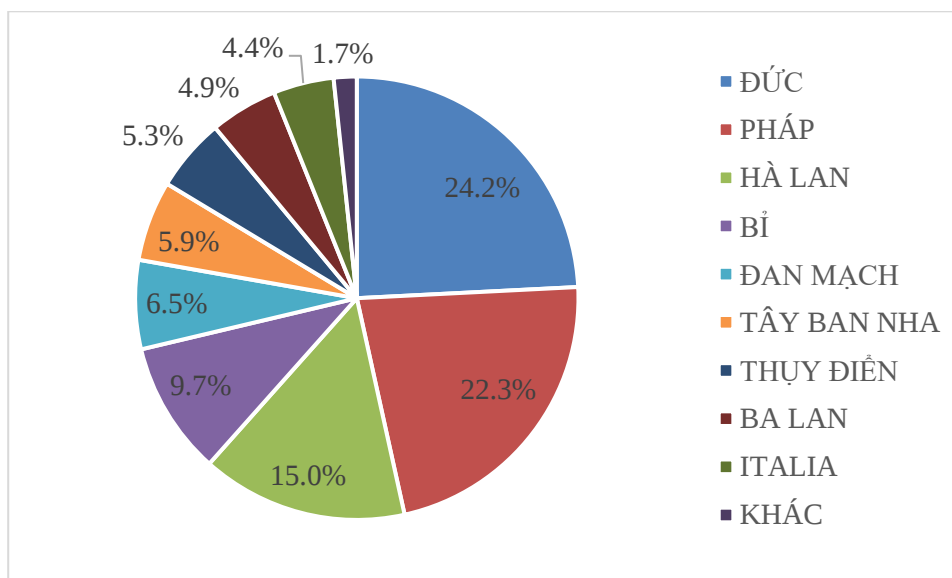


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khối EU (27 quốc gia), 4 quốc gia nhập khẩu Gỗ & SP gỗ chính của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2020 là Đức, Pháp, Hà Lan và Bỉ (tổng kim ngạch của 4 thị trường này ước đạt 274,4 triệu USD, tương đương 71,3% tổng kim ngạch gỗ &

SP gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào khối EU), cụ thể: thị trường Đức kim ngạch ước đạt 102,8 triệu USD tương đương 24,2%, thị trường Pháp kim ngạch ước đạt 95 triệu USD tương đương 22,3%, thị trường Hà Lan kim ngạch ước đạt 63,9 triệu USD tương đương 15,0%, thị trường Bỉ kim ngạch ước đạt 41,2 triệu USD tương đương 9,7%.

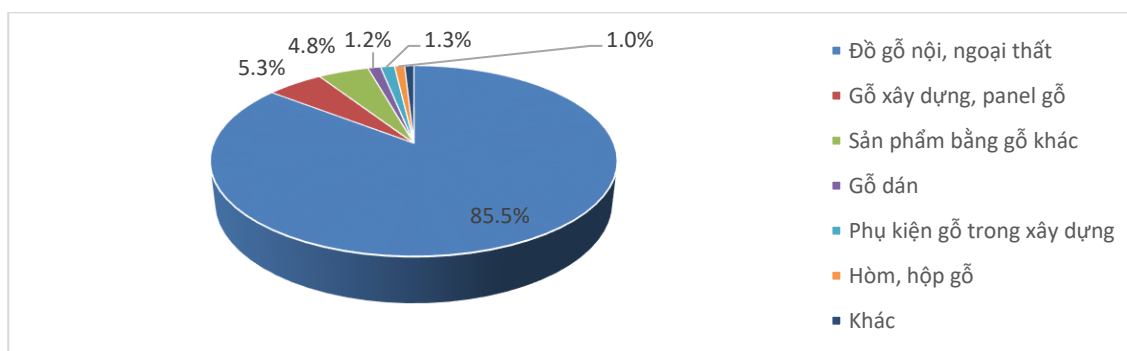
Hình 16: Một số thị trường chính nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong khối EU của Việt Nam trong 11 tháng năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu các mặt hàng: Xuất khẩu gỗ & SP từ gỗ của Việt Nam sang EU trong 11 tháng đầu năm 2020 chủ yếu là đồ gỗ nội thất, ngoại thất (ghế có khung gỗ, nội thất văn phòng, nội thất phòng bếp, nội thất phòng ngủ, nội thất bằng gỗ khác, bộ phận đồ gỗ) chiếm 85,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là gỗ xây dựng, ván gỗ (chiếm 5,3% tổng kim ngạch), sản phẩm bằng gỗ khác (chiếm 4,8% tổng kim ngạch) còn lại là các mặt hàng khác như phụ kiện gỗ trong xây dựng, gỗ dán, hòm, hộp gỗ...

Hình 17: Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU 11 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Việc phong tỏa tại Châu Âu vẫn đang tiếp tục kéo dài trong tháng và dự báo ít nhất sẽ đến hết mùa đông năm nay. Do phong tỏa, thêm vào đó là nhu cầu từ dịp lễ cuối năm nên nhu cầu tích trữ cao. Tuy nhiên, do những tháng cuối năm việc thiếu hụt container diễn ra nghiêm trọng, cũng như giá vận chuyển tăng cao nên đã ảnh hưởng đến nhiều lô hàng xuất khẩu sang thị trường này, khiến việc xuất khẩu bị chậm trễ. Dự kiến vào đầu năm 2021, các lô hàng xuất khẩu đã ký kết cuối năm 2020 nhưng chưa xuất khẩu được trong tháng 11-12/2020 sẽ tiếp tục được vận chuyển sang EU.

2. Rau quả

Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu rau quả đã tập trung vào nâng cao chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng các yêu cầu của từng thị trường nhập khẩu. Dự báo, trong những tháng tới triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU sẽ tăng cao hơn những tháng vừa qua do tác động của hiệp định EVFTA đã trở nên rõ nét hơn.

3. Điều

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường EU trong thời gian ngắn sẽ giảm nhẹ vì sự ảnh hưởng của dịch Covid -19 khiến mọi hoạt động kinh tế, lễ hội của EU vẫn đang bị tê liệt. Bên cạnh đó, giá điều nhân dự kiến sẽ tăng do nguồn cung điều nhân ở Việt Nam không còn nhiều, các nhà chế biến cũng rất thận trọng trong việc nhập điều thô, vì giá điều thô hiện tại không cân đối được với giá điều nhân.

4. Cà phê

Tháng 12/2020, thông tin biến thể mới của virus Covid-19 khiến một số cảng nhập khẩu ở Châu Âu thông báo tạm dừng đón tàu cập bến vì lo ngại dịch bệnh bùng phát trở lại. Trong khi đó, giá cước vận tải biển hành trình đến Châu Âu đồng loạt tăng mạnh cũng tác động không tốt đến thị trường giao dịch giữa mùa thu hoạch vụ mới. Dịp lễ Giáng sinh và Năm mới 2021, mùa lễ hội chính tại Châu Âu nhưng nhiều nước, trong đó bao gồm nhiều nhà nhập khẩu hàng đầu cà phê Việt Nam tại thị trường,

đã thắt chặt giãn cách xã hội như Đức¹, Bỉ², Ý³, Thụy Sĩ⁴, Áo⁵, hay Ba Lan ... Dự báo, trong tình hình dịch bệnh chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, khi các nước đang kêu gọi người dân “hết sức cẩn thận và có trách nhiệm” khi đi chơi, tiệc tùng trong kỳ nghỉ lễ, thị trường xuất khẩu cà phê tại thị trường EU vẫn tiếp tục trầm lắng, giá cà phê chưa thể phục hồi do nhiều yếu tố tiêu cực tác động.

Các nước Châu Âu dự kiến tiêm vaccine ngừa Covid-19 vào cuối tháng 12/2020 là một tín hiệu lạc quan cho sự vực dậy của thị trường hàng hóa trong thời gian tới, trong đó có cà phê của Việt Nam. Bên cạnh đó, thời tiết thuận lợi, khô ráo cũng tạo lợi thế cho cà phê Việt Nam trước các đối thủ trong niên vụ mới.

5. Thủy sản

Theo VASEP, với khả năng hồi phục từ tháng 9 đến nay, ước tính xuất khẩu sang EU (trừ Anh) trong năm 2020 đạt khoảng 992 triệu USD, giảm 2,4% so với năm 2019. Tôm vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Tuy nhiên, dịch COVID – 19 đang bùng phát mạnh trở lại ở thị trường Châu Âu, các nhà xuất khẩu cần theo dõi thêm thông tin để có những chiến lược xuất khẩu phù hợp.

Trong báo cáo của Bộ Công Thương gửi lên Thủ tướng Chính phủ dự báo, tình trạng thiếu tàu biển và thiếu container có thể kéo dài đến tháng 2-3/2021. Thậm chí việc dịch COVID-19 chưa được kiểm soát, vẫn tiếp tục lây lan trên thế giới nhiều khả năng tình trạng này còn kéo dài hơn. Do đó, Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần lên kế hoạch và kích bản ứng phó nhằm hạn chế tối thiểu sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và giảm thiểu tối đa sụt giảm xuất khẩu của mỗi doanh nghiệp và tổng kim ngạch của toàn ngành trong thời gian tới.

6. Hồ tiêu

Dịch Covid-19 đang khiến mọi hoạt động kinh tế, lễ hội của Châu Âu trong cuối năm 2020 bị tê liệt và khả năng vẫn kéo dài sang đầu năm 2021. Dự báo xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang khu vực này trong thời gian tới sẽ vẫn trầm lắng.

7. Cao su

Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) dự báo xu hướng giá cao su sẽ tiếp tục tăng trong 2 tháng cuối năm 2020 do nhu cầu tăng. Trong tháng 10/2020, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tăng mạnh do ngành thế giới hồi phục sau

¹ Từ ngày 16/12/2020, thực hiện phong tỏa toàn phần ít nhất đến 10/1/2021 (Harter Lockdown).

² Từ ngày 18/12/2020, những người nhập cảnh vào Bỉ phải khai báo y tế bắt buộc, đặc biệt những người đã ở “vùng đỏ” phải thực hiện cách ly 10 ngày và xét nghiệm vào ngày thứ 7.

³ Từ ngày 24/12/2020 đến 6/1/2021, Ý đặt trong tình trạng “vùng đỏ”, người dân chỉ được phép ra khỏi nhà khi cần thiết và chỉ được đón tối đa 2 người đến sống chung.

⁴ Từ ngày 22/12/2020, tất cả các nhà hàng, trung tâm thể thao và giải trí đóng cửa trong 1 tháng.

⁵ Từ sau lễ Giáng sinh sẽ tiến hành phong tỏa đến hết ngày 18/1/2021.

đại dịch Covid-19. Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) dự báo xu hướng giá cao su sẽ tiếp tục tăng trong 2 tháng cuối năm 2020 do nhu cầu tăng. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết, trong tháng 10/2020, giá cao su tại các sàn giao dịch chủ chốt tăng mạnh. Giá cao su tăng mạnh là do ngành thế giới hồi phục sau đại dịch Covid-19. Tháng 9/2020 đánh dấu tháng đầu tiên ngành ô tô hồi phục gần như trên khắp toàn cầu, sau giai đoạn dài ảm đạm do dịch bệnh.

Tiêu thụ xe hơi ở các thị trường châu Âu... cũng bắt đầu hồi phục, cũng là điểm sáng để kỳ vọng vào năm 2021, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang EU khởi sắc.

8. Gỗ và các sản phẩm gỗ

Trước làn sóng dịch bệnh tiếp theo, xuất khẩu gỗ & SP gỗ của Việt Nam sang thị trường EU đã chứng kiến xu hướng giảm, điều này ngược lại với xu hướng của các năm trước.

Tháng 8/2020 Hiệp định thương mại tự do EU- Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực. Với các ưu đãi về thuế mới EVFTA không tạo được các động lực mới để các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ Việt Nam nâng cao sức cạnh tranh, mở rộng thị trường do những mặt hàng gỗ có kim ngạch xuất khẩu lớn (117 mặt hàng, chiếm 90% kim ngạch xuất khẩu) đã có mức thuế nhập khẩu 0% trước khi EVFTA có hiệu lực. Tuy vậy, với các cam kết về thực thi chính sách khi tham gia Hiệp định thương mại như Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định đảm bảo hệ thống gỗ hợp pháp Việt Nam, trong đó Nghị định quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đối với nhập khẩu, xuất khẩu; tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ; cấp giấy phép FLEGT. Cùng với các điều kiện tiếp cận nguồn vốn, khoa học công nghệ, máy móc từ các nước phát triển trong khối EU kỳ vọng sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong tương lai.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 11/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 11/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T10/2020	Tăng /giảm so T11/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	46,277,658	-23%	-38%	16.92%
2	Cao su	10,111,816	-18%	-11%	3.70%
3	Chè	128,492	-13%	11%	0.05%
4	Gạo	2,268,706	-53%	-17%	0.83%
5	Gỗ &SPG	40,937,215	-9%	-23%	14.97%
6	Rau quả	14,455,268	-15%	-1%	5.28%
7	Thủy sản	80,549,584	-27%	-1%	29.45%
8	Hạt điều	47,813,781	-10%	-20%	17.48%
9	Hạt tiêu	5,865,752	-19%	10%	2.14%
10	Mây tre đan	12,554,808	-18%	13%	4.59%
11	SP từ cao su	12,284,626	-11%	69%	4.49%
12	Thịt và SP từ thịt	303,520	-50%	-71%	0.11%
Tổng XKNLTS		273,551,226	-19%	-15%	100.00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 11/2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/19 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2,583	1,497,078	2,828	1,899,595	9.5%	26.9%
2	Gạo Japonica	346	194,695	332	209,811	-4.0%	7.8%
3	Các loại gạo khác	2,290	1,042,968	211	159,300	-90.8%	-84.7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 11/2020

T T	Sản phẩm	Tháng 11/2019	Tháng 11/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T11.2020/T11.2019
	Tổng giá trị XK	14,565,876	14,455,268	-0.8%
1	Chanh	5,021,728	4,070,511	-18.9%
2	Thanh long	1,512,971	1,751,518	15.8%
3	Xoài	1,028,140	831,200	-19.2%
4	Sầu riêng	16,618	679,047	3986.3%
5	Dứa	142,628	490,112	243.6%
6	Nấm các loại	408,412	371,348	-9.1%
7	Gừng	186,844	145,409	-22.2%
8	Mãng cầu	138,448	122,288	-11.7%
9	Dưa chuột	83,532	118,115	41.4%
10	Khác	6,026,556	5,875,720	-2.5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang EU tháng 11/2020

TT	Sản phẩm	T11/2019	T11/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T11.2020/T11.2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	1.039.904,3	303.520,1	-70,8%
1	Đùi ếch đông lạnh	866.591,1	148.363,4	-82,9%
2	Động vật sống khác	170.514,0	146.810,0	-13,9%
3	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)	246,5	8.346,7	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU tháng 11 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 11/2019 (USD)	Tháng 11/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	81.216.802,31	80.549.583,81	-0,82%
Cá tra	8.722.622,55	9.023.245,67	3,45%
Cua - ghẹ	13.146.887,15	10.081.294,46	-23,32%
Mực và bạch tuộc	870.247,93	912.187,75	4,82%
Tôm sú	3.119.457,75	2.863.932,69	-8,19%
Tôm thẻ chân trắng	7.096.666,05	5.707.088,29	-19,58%
Tôm loại khác	31.686.046,90	33.913.199,22	7,03%
Thủy sản khác	2.230.300,02	2.284.039,38	2,41%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu cao su của Việt Nam sang EU

TT	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Tổng xuất khẩu		16.872.003		26.072.011	54,53	
	Cao su	6.960	9.078.754	9.178	12.286.582	31,87	35,33
	Sản phẩm cao su		7.793.249		13.785.429		76,89

Nguồn: Tổng cục Hải quan